



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Điện Gia Lai

Ngày 30/09/2025	16,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	2.8%	16.4%

DT thuần Q3/25
671
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 47.0 7.6%
YoY: ▲ 128 23.6%

LN thuần Q3/25
98.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 85.6 -46.5%
YoY: ▲ 119 571%

LN sau thuế Q3/25
80.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 77.9 -49.3%
YoY: ▲ 128 267%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
43.5%
YoY: +/- ▼ 11.3%

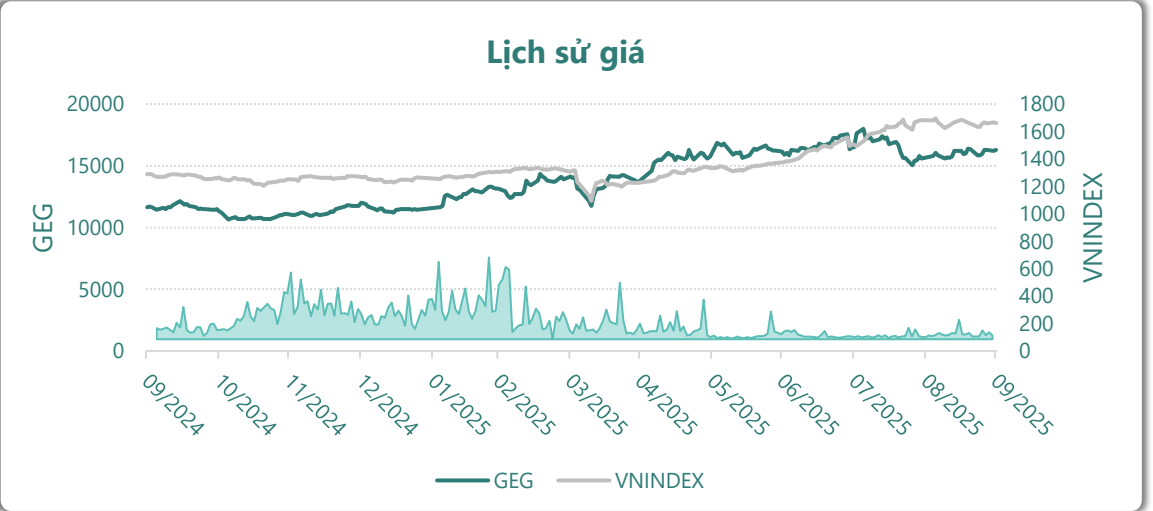
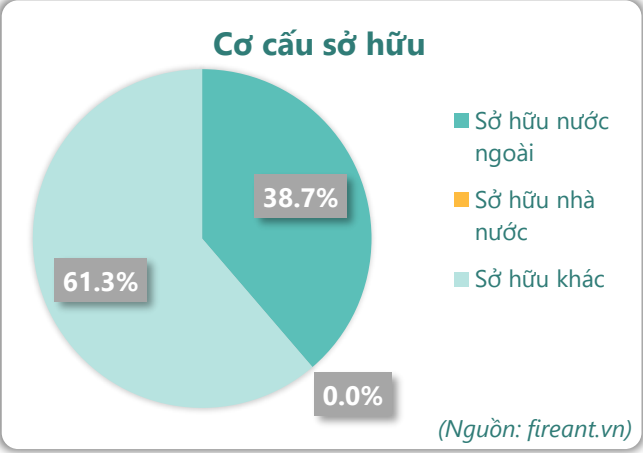
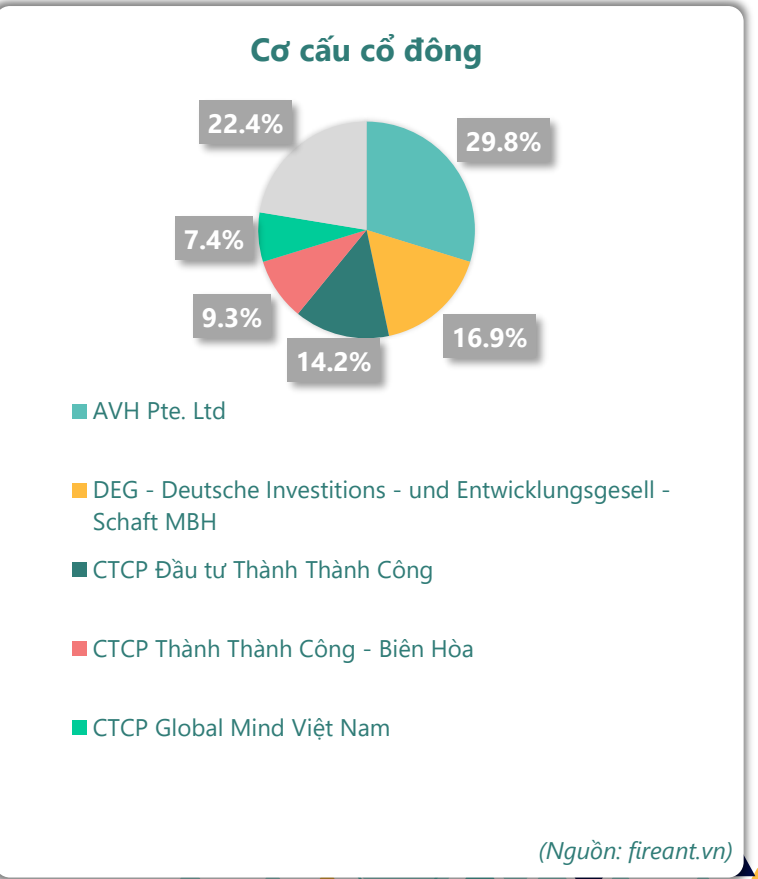
ROE (TTM) Q3/25
10.5%
YoY: +/- ▲ 1.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,650 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,840
Số lượng CPLH (CP)	358,308,371
KLGD BQ 20 phiên (CP)	950,690
Sở hữu nước ngoài	38.7%
Beta	0.89
EPS	1,813
P/E	9.0

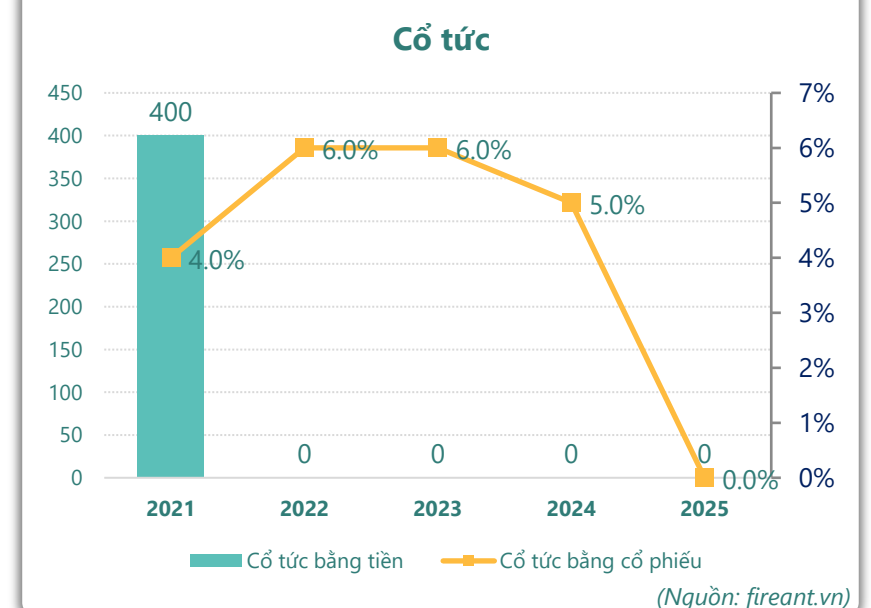
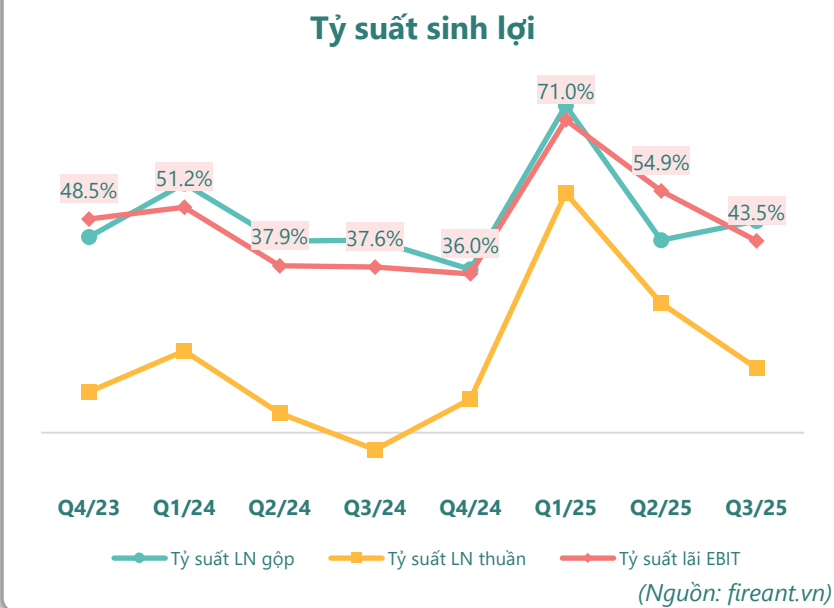
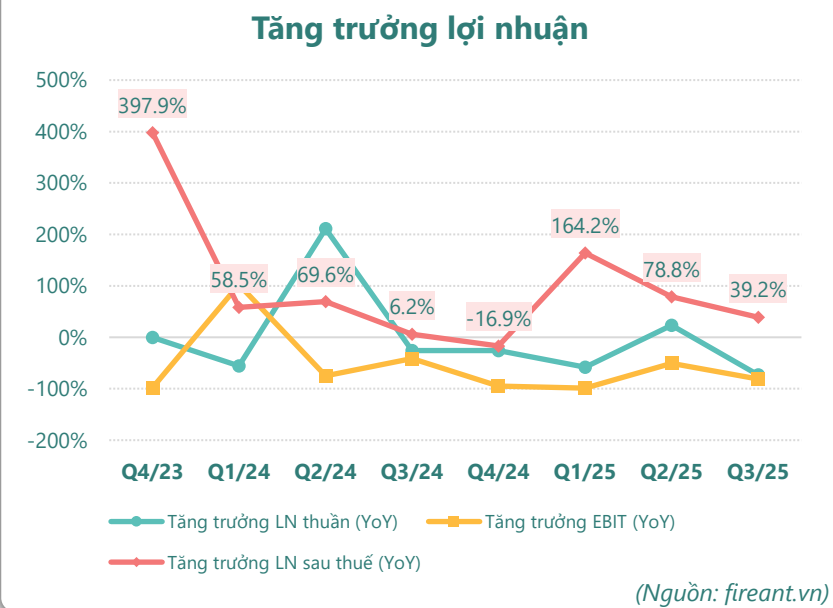
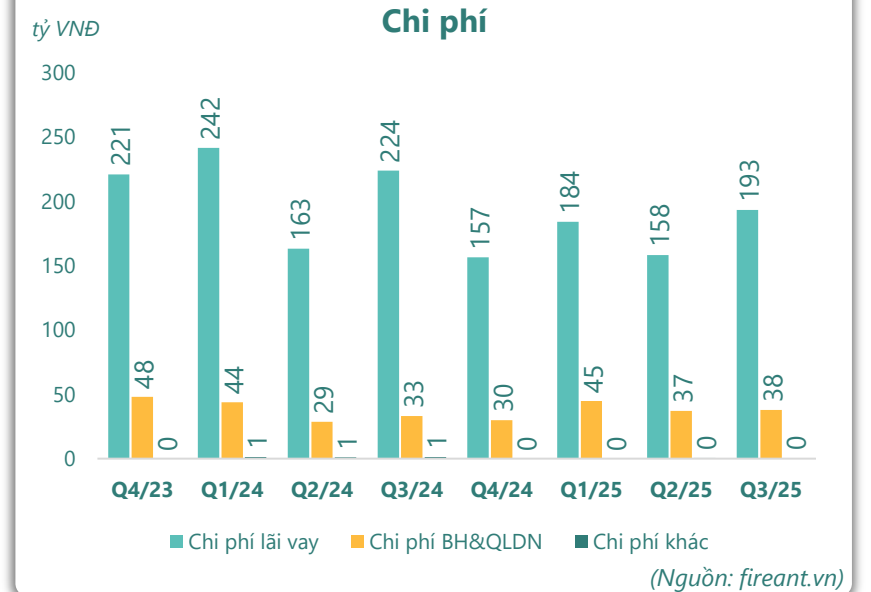
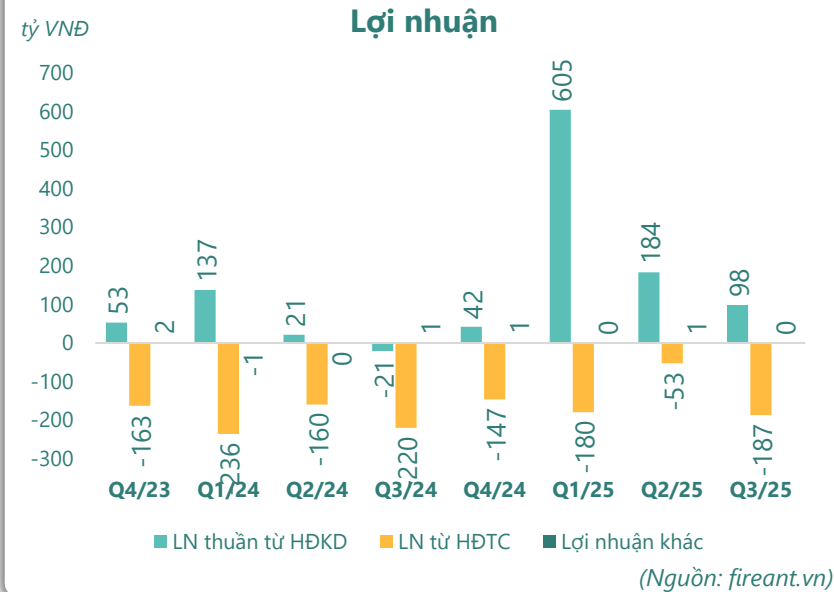
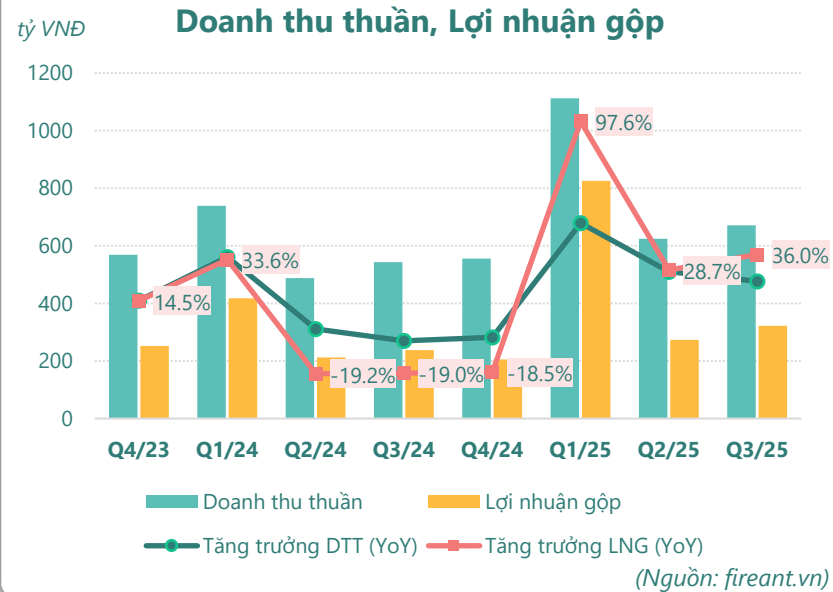
DT thuần 9T 2025
2,408
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 638 36.1%

LN thuần 9T 2025
887
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 749 543%

LN sau thuế 9T 2025
851
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 771 967%



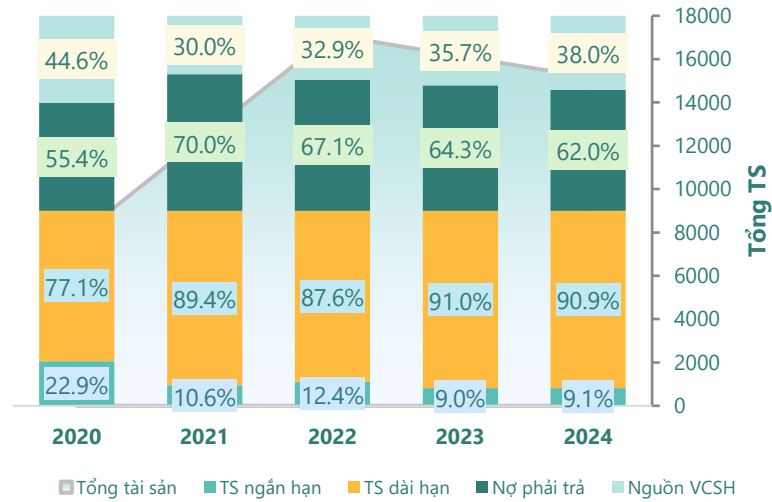
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

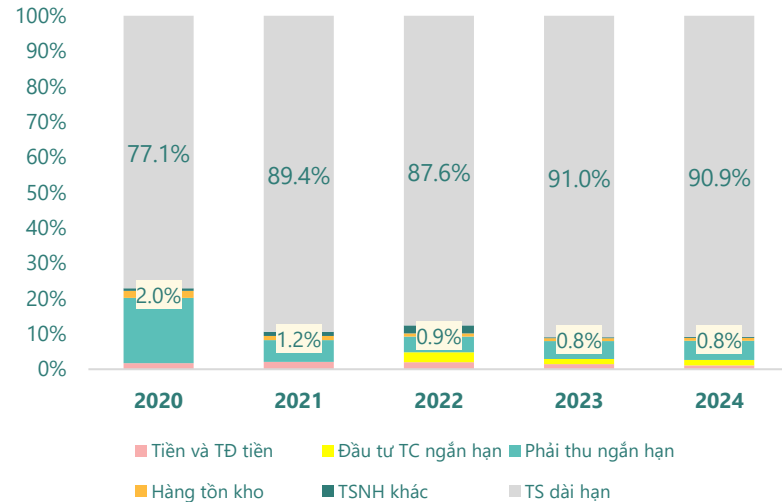
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

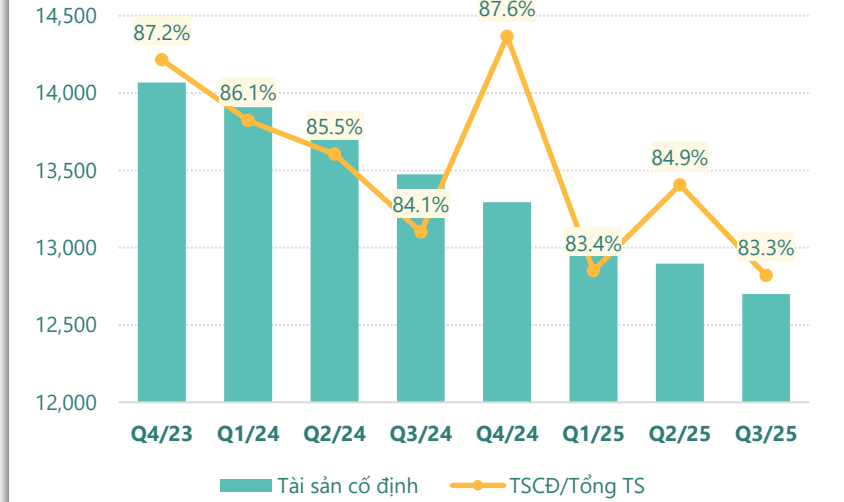
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

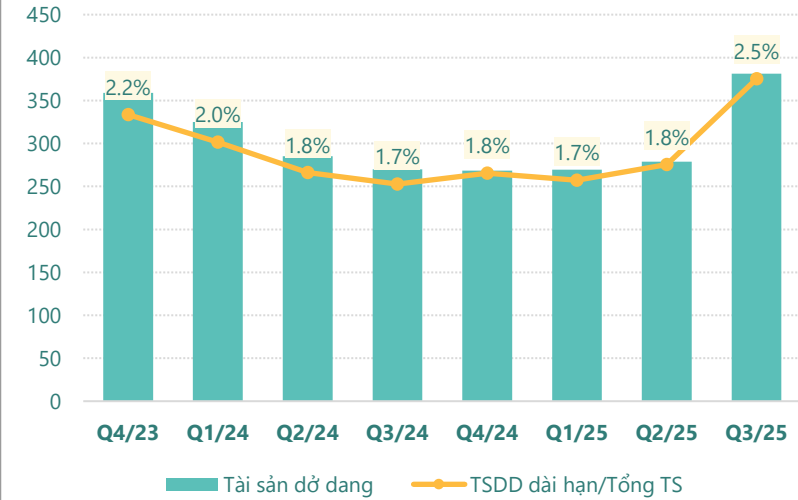
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

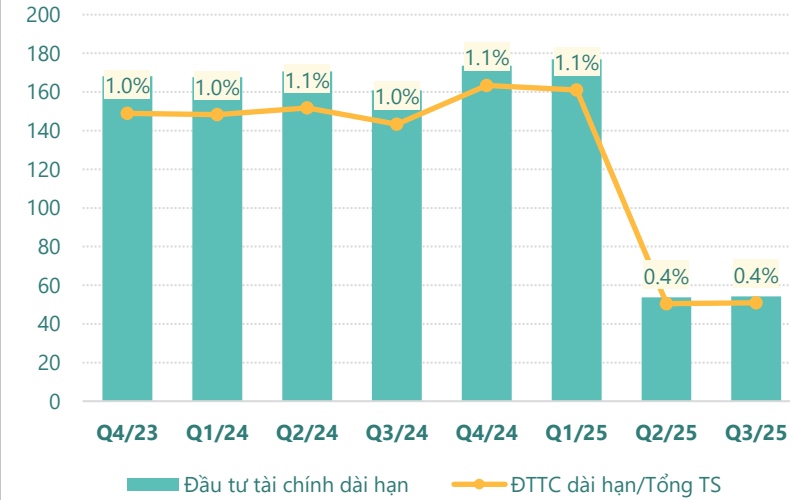
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

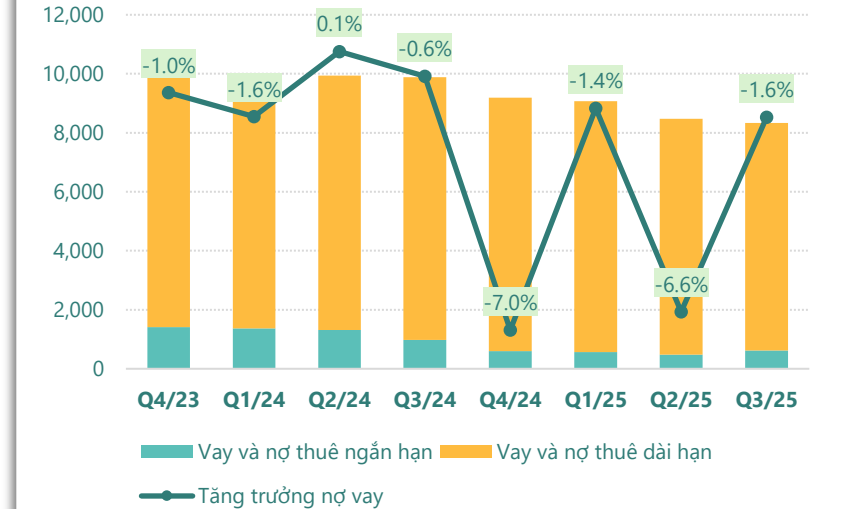
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

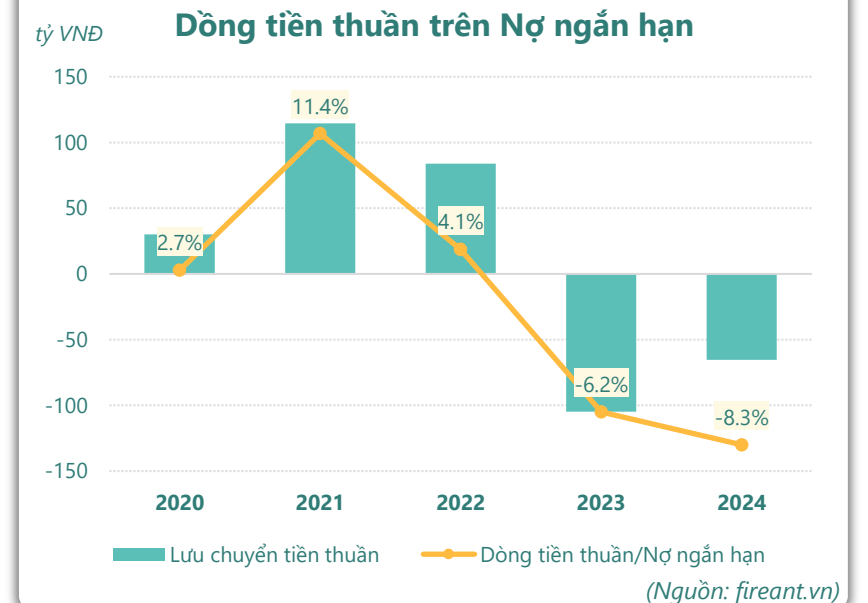
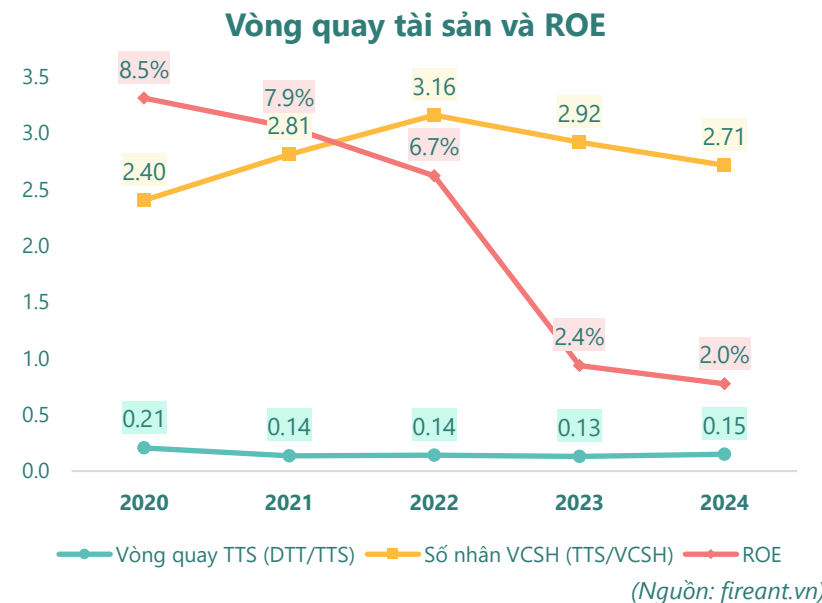
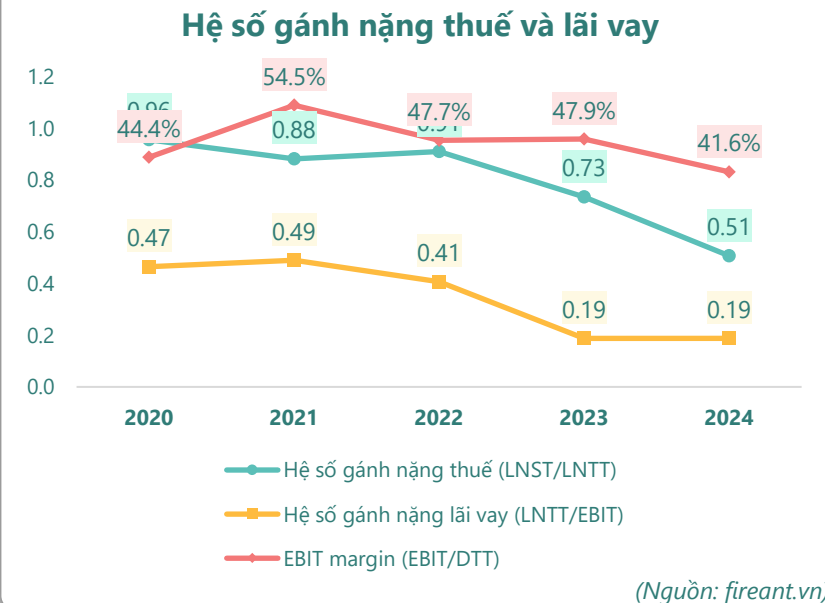
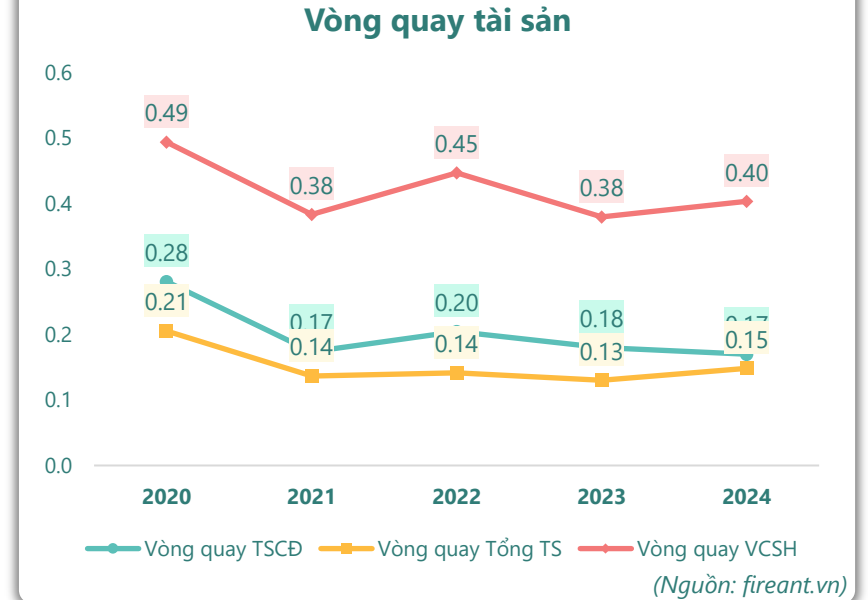
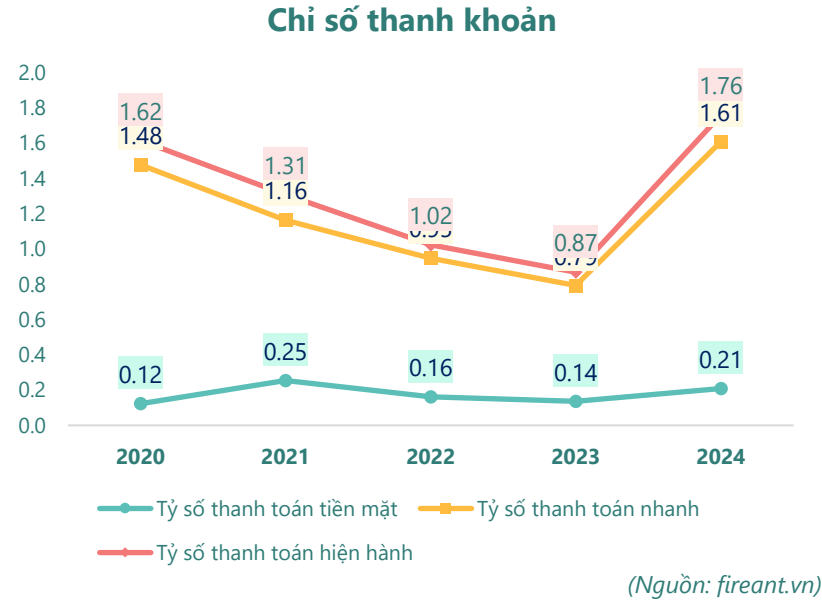
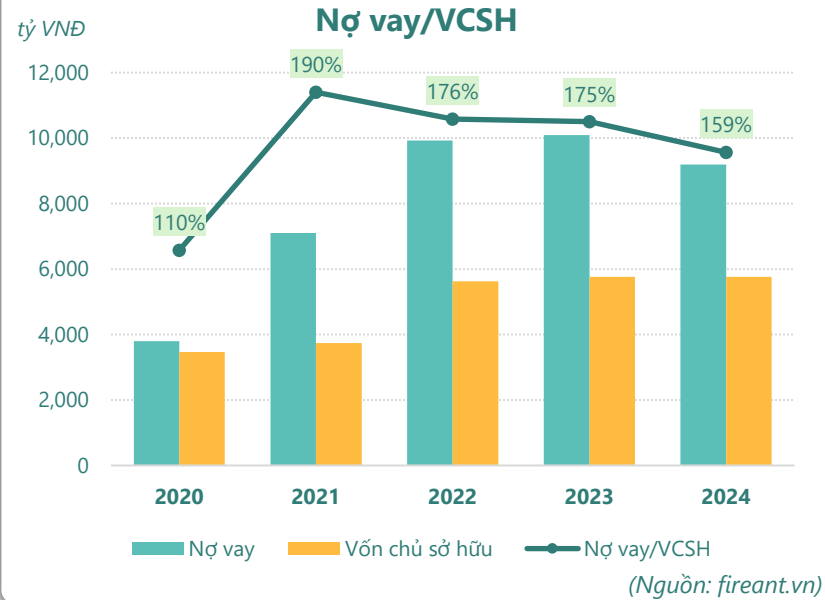
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	671	543	23.6%	2,408	1,770	36.1%
Giá vốn hàng bán	349	306	13.9%	987	903	9.3%
Lợi nhuận gộp	323	237	36.2%	1,422	867	63.9%
Doanh thu HĐTC	7.29	10.2	-28.5%	135	28.7	369%
Chi phí TC	194	231	-15.9%	554	645	-14.1%
Chi phí lãi vay	193	224	-13.6%	536	629	-14.8%
LN trong công ty LKLD	0.63	-4.73	113%	4.79	-7.38	165%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	37.9	33.1	14.5%	120	106	13.5%
LN thuần từ HĐKD	98.4	-20.9	571%	887	138	543%
Lợi nhuận khác	0.37	0.97	-61.9%	1.15	0.08	1326%
LN trước thuế	98.7	-19.9	596%	888	138	543%
Lợi nhuận sau thuế	80.1	-47.8	267%	851	79.7	967%
LNST của CĐ cty mẹ	74.6	-27.3	373%	619	83.8	638%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	412	213	120	62.3	487	307
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.21	80.4	-46.6	76.5	406	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.1	-13.5	-770	-127	-595	-136
Tiền đầu kỳ	215	581	861	164	175	474
Lưu chuyển tiền thuần	366	280	-697	11.7	298	-67.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.01	0.00	0.00	0.05	0.02
Tiền cuối kỳ	581	861	164	175	474	406

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,248	15,174	0.5%
Tài sản ngắn hạn	1,975	1,382	42.9%
Tiền và tương đương tiền	406	164	148%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	379	239	58.1%
Phải thu ngắn hạn	1,100	823	33.6%
Hàng tồn kho	63.0	119	-47.0%
Tài sản ngắn hạn khác	28.0	36.5	-23.1%
Tài sản dài hạn	13,273	13,792	-3.8%
Phải thu dài hạn	101	29.4	242%
Tài sản cố định	12,701	13,296	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	381	268	42.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	54.3	174	-68.7%
Tài sản dài hạn khác	35.5	24.3	45.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,675	9,409	-7.8%
Nợ ngắn hạn	950	785	21.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	614	597	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.5	32.3	50.2%
Nợ dài hạn	7,724	8,624	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,722	8,596	-10.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,573	5,764	14.0%
Vốn chủ sở hữu	6,573	5,764	14.0%
Vốn điều lệ	4,225	4,225	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

